

CÔNG TY CỔ PHẦN DURIAN FRONTIER
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DURIAN FRONTIER

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DURIAN FRONTIER JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: DURIAN FRONTIER JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109066150

3. Ngày thành lập: 14/01/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 16, Tháp A, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Dịch vụ tư vấn du học	8560(Chính)
2.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (ngoại trừ tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán và chứng khoán)	6619
3.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, môi giới bất động sản (theo quy định tại Điều 62, Điều 67, Điều 74 Luật Kinh doanh bất động sản và các quy định có liên quan)	6820
4.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Dịch vụ tư vấn quản lý (trừ thuế kinh doanh)	7020
5.	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán buôn (không thành lập cơ sở bán buôn) hàng hóa theo quy định của pháp luật	4690
6.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ (không thành lập cơ sở bán lẻ) hàng hóa theo quy định của pháp luật	4799
7.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu hàng hóa theo quy định của pháp luật	8299

6. Vốn điều lệ: 2.373.683.000 VNĐ

tương đương 102.050 USD- Một trăm lẻ hai ngàn, không trăm năm mươi đô la Mỹ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 237.368

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	KIM SOO HO	2-12-16 Shinchiba, Chuoku, Chiba city 260-0031, Nhật Bản	Cổ phần phổ thông	58.150	581.500.000	24,498	M33395447	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	58.150	581.500.000	24,498		
2	KHIM KYUNG NAM	3145 Geary Blvd. Ste.130 San Francisco, CA94118, Mỹ	Cổ phần phổ thông	58.150	581.500.000	24,498	M24407415	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	58.150	581.500.000	24,498		

3	LEE YONG JUN	Seoul Gang Nam-gu, Nonhyun-ro, 95gil 12 (Yeoksam-dong 1Floor), Hàn Quốc	Cổ phần phổ thông	58.150	581.500.000	24,498	M84771828
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	58.150	581.500.000	24,498	
4	KIM KYUNG BAE	Seocho office 215, 226, Seoun-ro, Seocho-gu, Seoul, Hàn Quốc	Cổ phần phổ thông	62.918	629.183.000	26,507	M73686414
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	62.918	629.183.000	26,507	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	KHIM KYUNG NAM	3145 Geary Blvd. Ste.130 San Francisco, CA94118, Mỹ	Cổ phần phổ thông	58.150	581.500.000	24,498	M24407415	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	58.150	581.500.000	24,498		
2	LEE YONG JUN	Seoul Gang Nam-gu, Nonhyun-ro, 95gil 12 (Yeoksam-dong 1Floor), Hàn Quốc	Cổ phần phổ thông	58.150	581.500.000	24,498	M84771828	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	58.150	581.500.000	24,498		

3	KIM KYUNG BAE	Seocho office 215, 226, Seoun-ro, Seocho-gu, Seoul, Hàn Quốc	Cổ phần phổ thông	62.918	629.183.000	26,507	M73686414
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	62.918	629.183.000	26,507	
4	KIM SOO HO	2-12-16 Shinchiba, Chuoku, Chiba city 260-0031, Nhật Bản	Cổ phần phổ thông	58.150	581.500.000	24,498	M33395447
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	58.150	581.500.000	24,498	

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: KIM KYUNG BAE

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/02/1961

Dân tộc: Quốc tịch:

Hàn Quốc

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy chứng thực cá nhân: M73686414

Ngày cấp: 19/05/2017

Nơi cấp: Bộ Ngoại giao Hàn Quốc

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Seocho office 215, 226, Seoun-ro, Seocho-gu, Seoul, Hàn Quốc

Chỗ ở hiện tại: Tầng 16, Tháp A, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội